

Số: 65 /KL-TTr

Bến Tre, ngày 25 tháng 10 năm 2016

**KẾT LUẬN THANH TRA**  
**Về việc thanh tra chuyên ngành Phòng GD&ĐT huyện Bình Đại**

Thực hiện Quyết định số 51/QĐ-TTr ngày 26/9/2016 của Thanh tra Sở Giáo dục và Đào tạo (GD&ĐT) về việc thanh tra chuyên ngành Phòng GD&ĐT Bình Đại, Đoàn thanh tra đã tiến hành thanh tra các nội dung: công tác tham mưu; ban hành văn bản theo thẩm quyền, tuyên truyền phổ biến giáo dục pháp luật; chỉ đạo thực hiện quy chế chuyên môn, thực hiện phổ cập giáo dục-chống mù chữ và xây dựng xã hội học tập; chỉ đạo và thực hiện các quy định về nhà giáo và cán bộ quản lý giáo dục; chỉ đạo công tác đảm bảo chất lượng giáo dục; chỉ đạo về thu, quản lý, sử dụng học phí và các nguồn lực tài chính khác; chỉ đạo công tác kiểm tra; giải quyết khiếu nại, tố cáo; phòng chống tham nhũng; công tác quản lý dạy thêm, học thêm, từ ngày 04/10/2016 đến 11/10/2016.

Xét báo cáo kết quả thanh tra ngày 11/10/2016 của Trưởng đoàn thanh tra, Chánh Thanh tra Sở GD&ĐT Bến Tre kết luận như sau:

**A. KHÁI QUÁT CHUNG**

Ngành giáo dục huyện Bình Đại được sự quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo sâu sát của Sở GD&ĐT, Huyện ủy, Ủy ban nhân dân (UBND) huyện; sự phối hợp chặt chẽ của các ban, ngành, đoàn thể trong huyện, nhận thức của nhân dân về vị trí vai trò của giáo dục ngày càng tốt hơn, các lực lượng xã hội tham gia chăm lo, đầu tư cho sự nghiệp giáo dục thông qua chủ trương xã hội hóa ngày càng nhiều và có hiệu quả thiết thực.

Giao thông nông thôn của huyện được quan tâm đầu tư, giúp cho học sinh đi học thuận tiện. Quy mô, mạng lưới trường lớp các cấp học tiếp tục được điều chỉnh theo hướng tạo mọi điều kiện để huy động tối đa trẻ trong độ tuổi đi học đều được đến trường, kéo giảm tỉ lệ học sinh lưu ban, bỏ học; trang thiết bị dạy học tiếp tục được bổ sung từng bước đáp ứng yêu cầu đổi mới phương pháp dạy học và ứng dụng công nghệ thông tin.

Việc thực hiện các cuộc vận động và các phong trào thi đua trong ngành được đẩy mạnh là tiền đề quan trọng để thực hiện thắng lợi nhiệm vụ từng năm học. Công tác xây dựng, tập huấn, bồi dưỡng đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý (CBQL) giáo dục hàng năm luôn được tăng cường đảm bảo được yêu cầu nâng cao chất lượng giáo dục và hiệu quả đào tạo các cấp học.

Tuy nhiên, cơ sở vật chất trường lớp, mặc dù được đầu tư nhưng vẫn chưa đáp ứng yêu cầu tổ chức dạy học 2 buổi/ngày, nhu cầu gửi trẻ ở bậc mầm non (MN) và xây dựng trường đạt chuẩn quốc gia; thiếu phòng thực hành thí nghiệm, bàn ghế học sinh, phòng máy vi tính hư hỏng nhiều nhưng chưa được thay thế; đội ngũ giáo viên (GV) thừa, thiếu chưa đồng bộ ở các cấp học; biên chế GV MN còn thiếu. Đời sống kinh tế của một bộ phận người dân còn nhiều khó khăn do thu nhập không ổn định, phần nào ảnh hưởng đến việc huy động các nguồn lực chăm lo cho giáo dục.

**B. KẾT QUẢ KIỂM TRA, XÁC MINH**

**I. Tham mưu ban hành văn bản quy phạm pháp luật, quy hoạch, kế hoạch, chương trình, chính sách phát triển giáo dục trên địa bàn huyện.**

**\* Kết quả kiểm tra, xác minh:**

Căn cứ vào Chương trình hành động của Tỉnh ủy, Kế hoạch của Ủy ban nhân dân (UBND) tỉnh, Phòng GD&ĐT đã tham mưu cho huyện ủy, UBND huyện ban hành chương trình hành động, kế hoạch có liên quan về GD&ĐT như:

- Chương trình hành động số 33-CTr-/HU ngày 11/3/2014 của Huyện ủy Bình Đại thực hiện Nghị quyết số 29-NQ/TW ngày 04/11/2013 của Ban chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Việt Nam tại Hội nghị lần thứ 8 Ban Chấp hành Trung ương Khoá XI về đổi mới căn bản, toàn diện GD&ĐT, đáp ứng yêu cầu công nghiệp hoá, hiện đại hoá trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế;

- Các Kế hoạch của UBND huyện giai đoạn 2016-2020:

+ Kế hoạch nâng cao chất lượng đội ngũ nhà giáo và CBQL giai đoạn 2016-2020; kế hoạch thực hiện Phổ cập giáo dục (PCGD) giai đoạn 2016-2020;

+ Kế hoạch xây dựng xã hội học tập huyện bình Đại giai đoạn 2016-2020; kế hoạch đẩy mạnh phong trào học tập suốt đời đến năm 2020;

+ Kế hoạch phát triển giáo dục cấp Tiểu học trên địa bàn huyện Bình Đại giai đoạn 2016-2020;

+ Kế hoạch phát triển giáo dục Trung học cơ sở (THCS) giai đoạn 2016-2020;

+ Kế hoạch triển khai Đề án "Dạy và học ngoại ngữ trong hệ thống giáo dục quốc dân giai đoạn 2008 - 2020" trong các trường tiểu học, THCS giai đoạn 2016 - 2020;

+ Đề án kiên cố hóa trường lớp giai đoạn 2008-2012 và lập danh mục đề nghị đầu tư công trung 5 năm giai đoạn 2016-2020;

- Tham mưu UBND huyện ra quyết định về việc quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức Phòng GD&ĐT huyện Bình Đại có hiệu lực thi hành từ ngày 01/10/2016;

- Phối hợp ngành Văn hóa-Thông tin tham mưu UBND huyện ra quyết định thành lập Ban chỉ đạo thực hiện Phổ cập bơi giai đoạn 2015-2020;

- Phối hợp ngành Công an xây dựng quy chế phối hợp thực hiện nhiệm vụ bảo vệ an ninh quốc gia và bảo đảm trật tự an toàn xã hội, đấu tranh phòng, chống tội phạm, vi phạm pháp luật khác trong ngành giáo dục huyện.

**\* Nhận xét, kết luận:**

Phòng GD&ĐT đã làm tốt công tác tham mưu cho Huyện ủy, UBND huyện ban hành đầy đủ, kịp thời các văn bản để lãnh đạo, chỉ đạo phát triển giáo dục của địa phương.

**II. Ban hành các văn bản chỉ đạo theo thẩm quyền; tuyên truyền, phổ biến giáo dục pháp luật về giáo dục**

**1. Việc ban hành các văn bản chỉ đạo**

**\* Kết quả kiểm tra, xác minh:**

Phòng GD&ĐT ban hành tốt các văn bản chỉ đạo các hoạt động giáo dục theo thẩm quyền.

Tuy nhiên, việc ban hành văn bản ở một vài cơ sở giáo dục chưa theo đúng thể thức quy định tại Thông tư số 01/2011/TT-BNV ngày 19/01/2011 của Bộ Nội vụ; căn cứ để ban hành Quyết định không chắc, một số văn bản có những nội dung không còn phù hợp (cuộc vận động "Hai không" với 4 nội dung,...); các loại kế hoạch, nghị quyết... của trường có sự sao chép từ năm trước sang năm sau; một số trường mầm non còn lập nhiều loại kế hoạch, kể cả các nội dung lồng ghép trong chương trình không còn là chuyên đề trọng tâm. Kế hoạch thực hiện chuyên đề trọng tâm của năm

học như chuyên đề phát triển vận động, xây dựng môi trường giáo dục lấy trẻ làm trung tâm chưa cụ thể, phù hợp với tình hình thực tế.

**\* Nhận xét, kết luận**

Phòng Giáo dục và Đào tạo ban hành các văn bản chỉ đạo đúng theo chức năng nhiệm vụ, đúng theo thẩm quyền được Ủy ban nhân dân huyện Bình Đại giao tại Quyết định 11/QĐ-UBND ngày 15/9/2016.

**2. Công tác tuyên truyền, phổ biến giáo dục pháp luật về giáo dục**

**\* Kết quả kiểm tra, xác minh:**

Hiệu trưởng các đơn vị phối hợp với tổ chức đoàn thể tổ chức học tập quán triệt các Luật, văn bản quy phạm pháp luật, các nghị định, thông tư, chỉ thị, nghị quyết, các chủ trương đến tất cả cán bộ, giáo viên, nhân viên (CB, GV, NV) toàn ngành.

**\* Nhận xét, kết luận:**

Phòng GD&ĐT chỉ đạo và thực hiện tốt công tác tuyên truyền, phổ biến pháp luật về giáo dục.

**III. Chỉ đạo việc thực hiện quy chế chuyên môn, thực hiện PCGD-CMC và xây dựng xã hội học tập trên địa bàn**

**1. Chỉ đạo việc thực hiện quy chế chuyên môn**

**1.1. Giáo dục mầm non:**

**\* Kết quả kiểm tra, xác minh:**

Phòng GD&ĐT đã chỉ đạo các trường:

- Thực hiện đúng, đủ các loại hồ sơ theo quy định của Điều lệ trường MN và các văn bản quy định khác có liên quan đến công tác quản lý hồ sơ, sổ sách tại trường MN. Tuy nhiên, ở một số trường, có nhiều loại sổ quản lý chưa phù hợp với chương trình.

- Đảm bảo các quy chế về chăm sóc nuôi dạy trẻ. Có 100% trẻ được theo dõi sức khỏe bằng biểu đồ tăng trưởng và khám sức khỏe định kỳ theo quy định. Tỷ lệ suy dinh dưỡng được kéo giảm theo từng năm học. Hàng năm tỷ lệ trẻ được ăn bán trú và học 2 buổi/ ngày tăng (hiện có 18/20 trường tổ chức bán trú). Tuy nhiên, Phòng GD&ĐT chưa có biện pháp chỉ đạo thực hiện công tác phòng chống béo phì. Tỷ lệ trẻ thừa cân có xu hướng tăng nhiều hơn trẻ suy dinh dưỡng. Một số trường còn sử dụng trang thiết bị, đồ dùng, đồ chơi chưa được đảm bảo về an toàn, chưa thực hiện tốt quy chế chuyên môn.

- Thực hiện đúng nội dung chương trình quy định của Bộ GD&ĐT và kế hoạch của Sở GD&ĐT, 100% trường MN thực hiện Chương trình GDMN. Tổ chức giáo dục theo các lĩnh vực phát triển, sử dụng Bộ chuẩn phát triển trẻ 5 tuổi bổ trợ cho chương trình giáo dục trẻ 5 tuổi, lồng ghép các nội dung giáo dục vào chương trình phù hợp. Không có hiện tượng dạy trước chương trình lớp 1.

- Hàng năm, Phòng GD&ĐT có tổ chức bồi dưỡng chuyên môn cho đội ngũ CBQL, GV, có các biện pháp chỉ đạo và thực hiện nâng chất lượng giáo dục trẻ như: Thi tay nghề, hội giảng... kịp thời triển khai và thực hiện các chỉ đạo của Sở GD&ĐT về đổi mới phương pháp hình thức tổ chức thực hiện chương trình chăm sóc giáo dục trẻ. Tuy nhiên, việc thực hiện chuyên đề theo chỉ đạo của cấp học chưa được đồng bộ ở các trường.

- Thực hiện tốt công tác tuyên truyền với nhiều hình thức phù hợp: bảng tuyên truyền của trường và lớp, trong cuộc họp phụ huynh. Phối hợp tốt với cơ quan chức năng trong công tác tuyên truyền về GDMN, phổ biến kiến thức nuôi dạy trẻ cho các bậc cha mẹ, cộng đồng; huy động các nguồn lực đầu tư cho GDMN, đáp ứng nhu cầu PCGD mầm non trẻ em 5 tuổi.

**\* Nhận xét, kết luận:**

**Ưu điểm:**

Phòng GD&ĐT thực hiện tốt việc xây dựng kế hoạch phát triển ngành học theo giai đoạn và từng năm học. Từng năm có tổ chức hướng dẫn, triển khai nhiệm vụ cấp học. Có các biện pháp chỉ đạo việc thực hiện chương trình GDMN. Có chú trọng công tác chăm sóc sức khỏe, nuôi dưỡng và tổ chức các hoạt động học tập cho trẻ. Các hoạt động có theo đúng chế độ sinh hoạt phù hợp với đặc điểm tâm sinh lý độ tuổi.

**Hạn chế:**

Phòng GD&ĐT chưa có biện pháp nâng chất lượng chăm sóc giáo dục trẻ. Công tác quản lý đối với cơ sở GDMN chưa được bao quát tốt dẫn đến việc triển khai thực hiện các chuyên đề trọng tâm 3 năm học qua chưa đạt kết quả theo kế hoạch. Một số hạn chế của trường chưa được phát hiện kịp thời để chấn chỉnh.

Ở một số đơn vị còn tình trạng sĩ số học sinh/lớp đông (45-53 trẻ) ít nhiều ảnh hưởng đến chất lượng chăm sóc và các hoạt động giáo dục trẻ.

**1.2. Giáo dục tiểu học:**

**\* Kết quả kiểm tra, xác minh:**

Phòng GD&ĐT đã chỉ đạo các trường thực hiện đúng, đủ các loại hồ sơ theo quy định của Điều lệ trường tiểu học (văn bản hợp nhất số 03/VBHN-BGDĐT ngày 22/01/2014) và các văn bản quy định khác có liên quan đến công tác quản lý hồ sơ, sổ sách tại trường tiểu học.

Phòng GD&ĐT hướng dẫn nhiệm vụ năm học cụ thể; chỉ đạo các trường tiểu học về thời lượng và các nội dung lồng ghép. Cụ thể:

- Đối với các trường, lớp dạy học 1 buổi/ngày: Thời lượng tối đa 5 tiết/ buổi và tối thiểu 5 buổi/tuần; dạy đủ theo kế hoạch, thực hành kiến thức đã học; tổ chức các hoạt động giáo dục ngoài giờ lên lớp (4 tiết/tháng) được thực hiện tích hợp vào các môn Mĩ thuật, Âm nhạc, Thủ công/Kỹ thuật theo hướng dạy học phù hợp với điều kiện thực tế địa phương và nhà trường.

- Đối với các trường, lớp dạy học 2 buổi/ngày: Căn cứ điều kiện về cơ sở vật chất, các trường chủ động xây dựng kế hoạch dạy học đảm bảo các yêu cầu: Thời lượng tối đa 7 tiết/ngày, ngoài việc ôn luyện kiến thức, kỹ năng, còn chú trọng bồi dưỡng học sinh có năng khiếu; tổ chức các hoạt động ngoại khóa, hoạt động giáo dục ngoài giờ lên lớp, câu lạc bộ nhằm thực hiện mục tiêu giáo dục toàn diện.

- Tổ chức lớp bán trú chỉ thực hiện đối với những trường tham gia Seqap: cấp tiểu học tổ chức lớp bán trú cho 3 trường với 270 học sinh. Qua kiểm tra tỉ lệ học sinh tham gia bán trú còn thấp (2.6%).

- Các trường thực hiện dạy học theo chuẩn kiến thức kỹ năng và Công văn số 5842/BGDĐT-VP ngày 01/9/2011 của Bộ GD&ĐT quy định.

- Giảng dạy Tin học, Ngoại ngữ: Tổ chức tốt việc dạy ngoại ngữ theo Đề án NNQG 2020 tại các trường với 52 lớp, 1553 học sinh, tỉ lệ: 24,8% (cao hơn mặt bằng chung của tỉnh 4,8%). Số trường dạy Tin học: 23/23 trường tổ chức dạy Tin học cho học sinh khối 3, 4, 5 với 197 lớp, 5502 học sinh.

- Chỉ đạo các trường thực hiện giáo dục hòa nhập trẻ khuyết tật theo đúng hướng dẫn của Sở.

- Phòng GD&ĐT chỉ đạo triển khai mô hình trường học mới tại trường Tiểu học Bùi Sĩ Hùng 17 lớp- 511 học sinh. Qua 4 năm triển khai, trường thực hiện tốt chỉ đạo của Sở GD&ĐT về nội dung, phương pháp giảng dạy và sinh hoạt chuyên môn. Đến nay, Phòng GD&ĐT đã triển khai nhân rộng 15 trường- 105 lớp- 2708 học sinh (26,5%).

- Phòng GD&ĐT chỉ đạo các trường thực hiện tốt nội dung, phương pháp dạy học. Tổ chức các chuyên đề kết hợp thao giảng những nội dung ở các trường còn gặp nhiều khó khăn, đặc biệt là chuyên đề dạy học phân hóa các đối tượng học sinh. Có tổ chức hội thảo về sinh hoạt tổ chuyên môn theo hướng lấy học sinh làm trung tâm cho tất cả CBQL, tổ trưởng chuyên môn ở trường tiểu học trên địa bàn huyện, nhằm nâng cao năng lực chuyên môn cho GV góp phần nâng cao chất lượng giáo dục, tổ chức kiểm tra định kỳ và cuối năm theo đúng hướng dẫn của Sở GD&ĐT; thực hiện tốt việc đánh giá, bàn giao chất lượng học sinh theo đúng Thông tư 30/2014/TT-BGDĐT của Bộ GD&ĐT. Tuy nhiên việc ra đề các trường chưa đảm bảo 3 mức độ nhận thức học sinh.

**\* Nhận xét, kết luận:**

- Phòng GD&ĐT chỉ đạo các trường thực hiện tốt quy chế chuyên môn, có đầy đủ hồ sơ sổ sách theo quy định; soạn giảng đúng phân phối chương trình, đảm bảo chuẩn kiến thức, kỹ năng theo yêu cầu của từng môn học.

- Chỉ đạo thực hiện việc đánh giá, bàn giao chất lượng học sinh theo đúng Thông tư 30/2014/TT-BGDĐT của Bộ GD&ĐT.

**1.3. Giáo dục trung học cơ sở:**

**\* Kết quả kiểm tra, xác minh:**

Phòng GD&ĐT đã chỉ đạo các trường thực hiện đúng, đủ các loại hồ sơ theo quy định của Điều lệ trường trung học ban hành theo Thông tư số 12/2011/TT-BGDĐT ngày 28/3/2011 của Bộ GD&ĐT và các văn bản quy định khác có liên quan đến công tác quản lý hồ sơ, sổ sách tại trường THCS.

Chỉ đạo các trường xây dựng và thực hiện chương trình, kế hoạch giáo dục theo định hướng phát triển năng lực học sinh, dựa trên Khung phân phối chương trình của Bộ GD&ĐT, kế hoạch thời gian năm học của tỉnh. Chỉ đạo tổ chức dạy học 2 buổi/ngày đối với các trường có điều kiện (thực hiện ở 2/16 trường), chỉ đạo tổ chức triển khai tốt Đề án NNQG 2020. Tiếp tục mở rộng quy mô dạy học chương trình thí điểm Tiếng Anh cấp THCS (3 trường THCS Lê Hoàng Chiêu, Phú Long, Vang Quới), bảo đảm việc liên thông cho học sinh đã hoàn thành chương trình Tiếng Anh mới ở lớp 5 vào học tiếp chương trình lớp 6, chỉ đạo các trường THCS tổ chức triển khai cụ thể các biện pháp để thực hiện đổi mới phương pháp dạy học, kiểm tra đánh giá theo hướng phát triển năng lực người học.

Tổ chức sinh hoạt chuyên môn theo cụm trường (4 cụm), thực hiện kế hoạch sinh hoạt chuyên môn theo thời gian, chuyên đề phù hợp với điều kiện của địa phương, đơn vị. Năm học 2016-2017, Phòng GD&ĐT có chọn 2 trường THCS (Huỳnh Tấn Phát, Võ Văn Lân) triển khai xây dựng mô hình điểm về đổi mới sinh hoạt tổ chuyên môn cấp THCS.

**\* Nhận xét, kết luận:**

**Ưu điểm:**

- Phòng GD&ĐT có quan tâm chỉ đạo các trường thực hiện các quy định về chuyên môn đúng theo Điều lệ trường trung học, các văn bản chỉ đạo của Bộ, Sở về nhiệm vụ chuyên môn trong từng năm học.

- Các trường thực hiện chương trình, kế hoạch dạy học và giáo dục đúng quy định; cơ bản đáp ứng được yêu cầu đổi mới giáo dục của cấp học. Các điều kiện đảm bảo chất lượng giáo dục (công tác bồi dưỡng đội ngũ GV, công tác quản lý cơ sở vật chất, trang thiết bị,...) cơ bản đáp ứng được yêu cầu đổi mới phương pháp dạy học, kiểm tra, đánh giá.

- Chất lượng giáo dục toàn diện, giáo dục mũi nhọn và hiệu quả đào tạo ở cấp học được duy trì ổn định và có chuyển biến tăng. Công tác giáo dục đạo đức học sinh đạt hiệu quả tốt, trong 3 năm qua không có học sinh vi phạm pháp luật.

**Hạn chế:**

- Phòng GD&ĐT chưa mạnh dạn chỉ đạo các trường trong xây dựng và thực hiện chương trình giáo dục của nhà trường theo yêu cầu phát triển năng lực người học và phù hợp với điều kiện của đơn vị (Ví dụ như: một số trường không tổ chức dạy học 2 buổi/ngày trong điều kiện GV chưa sử dụng hết định mức lao động; việc đổi mới nội dung, chương trình giáo dục hướng nghiệp theo tinh thần “Đồng khởi khởi nghiệp”...).

- Chỉ đạo việc phát triển quy mô dạy học 2 buổi/ngày còn chậm.

- Tổ chức dạy học ngoại ngữ theo Đề án NNQG 2020 chỉ mới thực hiện ở 3 trường THCS, chưa tương xứng với năng lực GV hiện có (có 30/42 GV đạt trình độ B2).

- Chỉ đạo việc đổi mới sinh hoạt tổ chuyên môn và quản lý hoạt động chuyên môn của trường còn chậm và hiệu quả chưa cao. Một số đề kiểm tra định kỳ còn nặng về kiểm tra kiến thức, chưa chú trọng theo hướng đánh giá phẩm chất và năng lực của học sinh.

- Việc thực hiện sổ sách chuyên môn, qua các trường được khảo sát thực tế, còn nặng về hình thức, chưa thể hiện tốt các hoạt động chuyên môn, các nội dung chuyên môn của trường/tổ/GV trong quá trình thực hiện nhiệm vụ dạy học, giáo dục.

**2. Chỉ đạo thực hiện PCGD- CMC**

**\* Kết quả kiểm tra, xác minh:**

Phòng GD&ĐT tham mưu UBND huyện ban hành kế hoạch số 91/KH-UBND ngày 03/6/2011 về kế hoạch thực hiện Đề án PCGDMN cho trẻ 5 tuổi trên địa bàn huyện giai đoạn 2015-2020. Huyện được công nhận đạt chuẩn PCGDMN TE 5 tuổi từ 2012 đến nay.

- Tỷ lệ huy động trẻ 6 tuổi ra lớp hàng năm đạt 100%.

- Số trẻ 11 tuổi hoàn thành chương trình tiểu học 93,9%

- Số xã được công nhận PCGD đúng độ tuổi: mức độ 1: 20/20 xã- 100%; mức độ 2: 9/20 xã- 45%

- 15-18 tuổi TN THCS đạt 92,83%

- Số xã được công nhận PCTHCS: 24/24, tỷ lệ 100%.

- Công tác CMC: 20/20 xã, thị trấn đạt chuẩn mức độ 1

**\* Nhận xét, kết luận:**

PGD&ĐT chỉ đạo thực hiện tốt công tác PCGD- CMC.

**3. Chỉ đạo hoạt động của trung tâm học tập cộng đồng (TTHTCĐ) và thực hiện kế hoạch xây dựng xã hội học tập**

**\* Ưu điểm:**

- Phòng GD&ĐT làm tốt công tác tham mưu, chỉ đạo việc xây dựng, củng cố và phát triển các TTHTCĐ, góp phần nâng cao năng lực và hiệu quả hoạt động của các TTHTCĐ, tạo điều kiện cho người dân có kiến thức, kỹ năng làm việc, nâng cao chất lượng cuộc sống và góp phần phát triển kinh tế- xã hội ở địa phương; có xây dựng kế hoạch hoạt động năm, kế hoạch kiện toàn bộ máy khi có sự thay đổi về nhân sự theo nhiệm kỳ.

- Tổ chức biên chế: đúng các văn bản chỉ đạo.

**\* Hạn chế:**

- Ban Giám đốc của TTHTCĐ đều kiêm nhiệm nên còn hạn chế về thời gian đầu tư hoạt động của trung tâm.

- TTHTCĐ ở các xã, thị trấn thiếu đồng bộ, chủ yếu lấy số liệu từ hoạt động của các đoàn thể. Các TTHTCĐ chưa liên kết tốt với các cơ quan doanh nghiệp, các nhà tài trợ trong việc hỗ trợ giúp đỡ về vật lực, tài lực nên còn gặp nhiều khó khăn, nhất là thiếu kinh phí để mở các lớp dạy nghề.

- TTHTCĐ không có kinh phí hoạt động thường xuyên, thiết bị hư hỏng nhiều.

#### **IV. Chỉ đạo và thực hiện các quy định về nhà giáo và CBQL giáo dục**

##### **1. Chỉ đạo thực hiện các quy định về nhà giáo và CBQL**

###### **\* Kết quả kiểm tra, xác minh:**

Phòng GD&ĐT xây dựng kế hoạch nâng cao chất lượng đội ngũ nhà giáo và CBQL giáo dục giai đoạn 2011-2015 và 2016-2020. Hàng năm có sơ, tổng kết, đánh giá và kế hoạch đề hướng dẫn, chỉ đạo các đơn vị trực thuộc xây dựng kế hoạch thực hiện. Căn cứ vào kế hoạch, hàng năm Phòng GD&ĐT chỉ đạo các đơn vị thực hiện công tác quy hoạch, xét cử viên chức đưa đi đào tạo, bồi dưỡng đúng quy trình và đúng đối tượng. Thực hiện quy trình bổ nhiệm CBQL đúng quy định.

Hàng năm, Phòng GD&ĐT giao biên chế và chỉ đạo các đơn vị thực hiện công tác tuyển dụng đúng theo quy định tại Nghị định số 29/2012/NĐ-CP ngày 12/4/2012 của Chính phủ về tuyển dụng, sử dụng viên chức và Hướng dẫn số 1140/HD-SGD&ĐT ngày 28/6/2013 của Sở GD&ĐT Bến Tre về hướng dẫn tuyển dụng viên chức ngành GD&ĐT. Tuy nhiên, Phòng GD&ĐT chưa có văn bản phê duyệt kế hoạch tuyển dụng viên chức đối với các đơn vị trực thuộc Phòng (chỉ có tổng hợp và xây dựng kế hoạch tuyển dụng chung của toàn ngành).

Phòng GD&ĐT chỉ đạo các đơn vị trực thuộc thực hiện đánh giá viên chức và đánh giá chuẩn nghề nghiệp đối với Hiệu trưởng, Phó Hiệu trưởng, GV theo quy định. Phòng GD&ĐT và các đơn vị trường thực hiện công tác đánh giá CBQL và viên chức đúng quy định, lưu trữ hồ sơ đầy đủ.

Hiệu trưởng các đơn vị thực hiện ký kết hợp đồng làm việc đối với viên chức đúng theo quy định tại Thông tư số 15/2012/TT-BNV ngày 25/12/2012 của Bộ Nội vụ về hướng dẫn tuyển dụng và ký kết hợp đồng làm việc và bồi thường chi phí đào tạo, bồi dưỡng đối với viên chức. Chỉ đạo các đơn vị cập nhật, bổ sung, quản lý hồ sơ viên chức đúng theo Hướng dẫn số 02/HD-SGD&ĐT ngày 03/3/2008 của Sở GD&ĐT.

###### **\* Nhận xét, kết luận:**

###### **Ưu điểm**

Phòng GD&ĐT chỉ đạo thực hiện công tác quy hoạch, đào tạo, bồi dưỡng, tuyển dụng, phân công, quản lý, sử dụng, đánh giá đội ngũ, bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, quản lý hồ sơ nhân sự đúng theo các văn bản hướng dẫn của Sở GD&ĐT và đúng theo quy định của pháp luật.

###### **Hạn chế**

Đến thời điểm thanh tra, còn một vài đơn vị thực hiện ký kết Hợp đồng lao động đối với nhân viên bảo vệ, tạp vụ (về thời gian và số lần ký kết hợp đồng) chưa đúng theo quy định của Bộ Luật lao động và quy định tại Công văn số 2202/BNV-CCVC ngày 11/9/2003 của Bộ Nội vụ về việc thực hiện chế độ đối với người lao động hợp đồng theo Nghị định 68/2000/NĐ-CP. Có đơn vị trường MN thực hiện ký lao động hợp đồng nhân viên tạp vụ là chưa đúng theo quy định tại Thông tư liên tịch số 06/2015/TT-BGD&ĐT-BNV ngày 16/3/2015 của Bộ GD&ĐT và Bộ Nội vụ về quy định danh mục khung vị trí việc làm và định mức số lượng người làm việc trong các cơ sở GDMN công lập, PGD&ĐT chưa phát hiện chấn chỉnh kịp thời.

##### **2. Thực hiện chế độ chính sách cho CBQL, GV và nhân viên**

###### **\* Kết quả kiểm tra, xác minh:**

Phòng GD&ĐT chỉ đạo thực hiện các chế độ nâng lương thường xuyên, nâng lương trước hạn do lập thành tích xuất sắc, các chế độ BHYT, BHXH, thâm niên...

Kiểm tra hồ sơ đề nghị xét nâng lương tại Phòng GD&ĐT và hồ sơ xét nâng lương tại các đơn vị trường cho thấy thời điểm các đơn vị trực thuộc thực hiện xét nâng bậc lương thường xuyên (về điều kiện thời gian giữ bậc lương) chưa đúng theo quy định tại điểm a, khoản 1 Điều 2 của Thông tư số 08/2013/TT-BNV ngày 31/7/2013 của Bộ Nội vụ về hướng dẫn thực hiện chế độ nâng bậc lương và nâng bậc lương trước hạn đối với cán bộ, công chức, viên chức và người lao động; thời điểm thực hiện xét tăng phụ cấp thâm niên vượt khung (về điều kiện thời gian) chưa đúng theo quy định tại Thông tư số 04/2005/TT-BNV ngày 05/01/2005 của Bộ Nội vụ về hướng dẫn thực hiện chế độ phụ cấp thâm niên vượt khung đối với cán bộ, công chức, viên chức.

Thực hiện thủ tục giải quyết chế độ nghỉ hưu đối với viên chức quản lý: Phòng GD&ĐT thông báo nghỉ hưu chưa đảm bảo thời gian trước 6 tháng, ban hành quyết định nghỉ hưu chưa đảm bảo trước 3 tháng.

**\* Nhận xét, kết luận:**

Phòng GD&ĐT và các đơn vị trường giải quyết chế độ chính sách đối với CB, GV, NV đầy đủ, kịp thời và đúng theo quy định.

**V. Chỉ đạo công tác bảo đảm chất lượng giáo dục, xã hội hóa giáo dục**

**1. Kiểm định chất lượng giáo dục**

**\* Kết quả kiểm tra, xác minh:**

- 100% các cơ sở giáo dục đã tiến hành thường xuyên công tác tự đánh giá.
- Các cấp học đều có trường được đánh giá ngoài, cụ thể: toàn huyện đã có 28/59 trường được đánh giá ngoài tỷ lệ: 47,5% (trong đó: MN 07 trường; Tiểu học 10 trường; THCS 11 trường).

**\* Nhận xét, kết luận:**

**Ưu điểm:**

Phòng GD&ĐT triển khai đầy đủ các văn bản hướng dẫn KĐCLGD, có phân công chuyên viên phụ trách công tác KĐCLGD; có thống kê, qui hoạch, đầu tư cho các trường tự đánh giá và định hướng tham gia đánh giá ngoài của các trường khá tốt.

**Hạn chế:**

- Một số cơ sở giáo dục chưa chủ động trong công tác tự đánh giá, thực hiện chưa đúng quy trình KĐCLGD theo hướng dẫn, còn tình trạng sao chép báo cáo tự đánh giá.
- Một số trường đã được đánh giá ngoài, năm học tiếp theo không cùng cố hội đồng tự đánh giá, không thu thập minh chứng và không xây dựng kế hoạch cải tiến để giữ vững cấp độ cao (cấp độ 3) hoặc nâng cấp độ cao hơn (đối với các trường chưa đạt cấp độ 3).

- Cán bộ, giáo viên được tham gia tập huấn đánh giá ngoài quá ít toàn huyện 4/6 CB-GV (trong đó 2 nghỉ hưu) nên công tác hỗ trợ, thẩm định cho các đơn vị còn hạn chế.

**2. Đội ngũ:**

**2.1. Phòng Giáo dục và Đào tạo:**

**\* Kết quả kiểm tra, xác minh**

Tổng số biên chế hiện có 8 người (biên chế được UBND huyện giao năm 2016: 8 người). Ban lãnh đạo Phòng: 3 người, chuyên viên: 5 người.

Phòng GD&ĐT trung dụng 5 viên chức hỗ trợ công tác tại Phòng (1 phụ trách Thư viện - Thiết bị, 1 phụ trách Kiểm tra, 1 phụ trách chuyên môn THCS, 1 phụ trách chuyên môn MN, 1 phụ trách hoạt động phong trào).

**\* Nhận xét, kết luận**



Biên chế hiện có tại Phòng GD&ĐT đủ so với biên chế được giao. Phòng GD&ĐT có trung dụng 5 viên chức để hỗ trợ công tác, đảm bảo chỉ đạo các hoạt động giáo dục đạt kết quả.

## **2.2. Các đơn vị trường trực thuộc:**

### **2.2.1. Mầm non**

#### **\* Kết quả kiểm tra, xác minh:**

Tổng số: 20 trường, chia ra (Trường hạng I: 5 trường, Trường hạng II: 15 trường). Số nhóm, lớp: 156 (bán trú 97 nhóm, lớp; 2 buổi/ngày 59 lớp). Số học sinh: 4856 em. Tỷ lệ học sinh/nhóm, lớp 31,12 học sinh/nhóm, lớp.

Tổng số biên chế hiện có: 329 biên chế (BGH: 45, GV: 242, NV: 42). Tỷ lệ bình quân 1,55 GV/nhóm, lớp. Số biên chế được giao năm học 2016-2017: 340 biên chế. Đang thực hiện tuyển dụng 11 biên chế MN.

Số lượng CB, GV, NV đạt chuẩn 328/329, tỷ lệ 99,69%, trong đó trên chuẩn 290/328, tỷ lệ 88,41%.

Số lượng đảng viên 198/329, tỷ lệ 60,18%.

#### **\* Nhận xét, kết luận:**

Theo quy định tại Thông tư liên tịch số 06/2015/TTLT-BGDĐT-BNV, toàn ngành thiếu 103 biên chế GVMN, thừa 2 NV (1 Cấp dưỡng biên chế và 1 Văn thư).

CBQL, NV đủ theo quy định. Số lượng CB, GV, NV trên chuẩn khá cao (88,41%). Tỷ lệ đảng viên cao (60,18%).

### **2.2.2. Tiểu học**

#### **\* Kết quả kiểm tra, xác minh**

Tổng số 23 trường, chia ra (Trường hạng I: 2, Trường hạng II: 10, Trường hạng III: 11). Tổng số lớp: 377 lớp (lớp học 5 buổi/tuần: 117; lớp học 6 đến 8 buổi/tuần: 140; lớp học 9 đến 10 buổi/tuần: 120 lớp). Tổng số học sinh: 10194 học sinh. Tỷ lệ học sinh/lớp 27,03 học sinh/lớp.

Tổng số biên chế hiện có: 736 biên chế (BGH: 49, GV nhiều môn: 591; GV TPT Đội: 23, NV: 73). Tỷ lệ 1,56 GV/lớp. Số biên chế được giao năm học 2016-2017: 736 biên chế.

Số lượng CB, GV, NV đạt chuẩn 736/736, tỷ lệ 100%, trong đó trên chuẩn 596/736, tỷ lệ 80,97%.

Số lượng đảng viên 465/736, tỷ lệ 63,17%.

#### **\* Nhận xét, kết luận**

CBQL, NV đủ theo quy định, GV đủ để thực hiện kế hoạch giáo dục. Tỷ lệ đảng viên cao (63,17%).

Theo quy định tại Thông tư liên tịch số 35/2006/TTLT-BGDĐT-BNV, toàn ngành thừa 61 biên chế GV. Các đơn vị bố trí, phân công kiêm nhiệm phụ trách CMC-PCGD, Trung tâm HTCD và thực hiện các chức danh kiêm nhiệm. Có đơn vị thừa 7 biên chế.

### **2.2.3. Trung học cơ sở**

#### **\* Kết quả kiểm tra, xác minh**

Tổng số 16 trường, chia ra (Trường hạng II: 2, Trường hạng III: 14). Tổng số lớp: 221 lớp. Tổng số học sinh: 8161 học sinh, Tỷ lệ học sinh/lớp 36,9 học sinh/lớp.

Tổng số biên chế hiện có: 571 biên chế (BGH: 32, GV: 459; GV TPT Đội: 16, NV: 80). Tỷ lệ 2,07 GV/lớp. Số biên chế được giao năm học 2016-2017: 575 biên chế. Đang thực hiện tuyển dụng 04 biên chế NV Thư viện. Số lượng CB, GV, NV đạt chuẩn 571/571, tỷ lệ 100%, trong đó trên chuẩn 463/571, tỷ lệ 80,08%.

Số lượng đảng viên 374/571, tỷ lệ 65,49%.

**\* Nhận xét, kết luận**

CBQL, NV đủ theo quy định, GV đủ để thực hiện kế hoạch giáo dục. Tỷ lệ đảng viên cao (63,17%).

Theo quy định tại Thông tư liên tịch số 35/2006/TTLT-BGDĐT-BNV, toàn ngành thừa 39 biên chế viên chức. Các đơn vị bố trí, phân công kiêm nhiệm phụ trách CMC-PCGD 20 người, Trung tâm HTCD 19 người và thực hiện các chức danh kiêm nhiệm. Có đơn vị thừa 8 biên chế.

**\* Nhận xét, kết luận:**

**Ưu điểm:**

- Số lượng biên chế hiện tại cơ bản đủ để ngành tổ chức triển khai thực hiện kế hoạch giáo dục, đảm bảo chất lượng giáo dục. Phòng GD&ĐT phân công bố trí cán bộ, chuyên viên đúng yêu cầu vị trí việc làm và đúng năng lực, sở trường của mỗi cán bộ, công chức.

- CBQL, NV đủ theo quy định, GV đủ để thực hiện kế hoạch giáo dục. Tỷ lệ CBQL, GV trên chuẩn cao.

**Hạn chế**

Đội ngũ giáo viên thừa thiếu không đồng bộ (thiếu nhiều nhất ở cấp học mầm non, thừa cấp tiểu học).

**3. Cơ sở vật chất:**

Cơ sở vật chất, sách, trang thiết bị trường học đảm bảo nhu cầu tối thiểu để triển khai hoạt động dạy học.

Tuy nhiên, một số trường mầm non chưa sử dụng triệt để các trang thiết bị được trang cấp, khâu bảo quản chưa được chú trọng.

**4. Công tác BDTX:**

**\* Kết quả kiểm tra, xác minh**

Phòng GD&ĐT xây dựng kế hoạch Bồi dưỡng thường xuyên cho CBQL, GV toàn ngành. Các cơ sở giáo dục xây dựng kế hoạch thực hiện và đánh giá xếp loại GV từng năm học. Kết quả có 100% CBQL, GV được đánh giá việc thực hiện hoàn thành chương trình bồi dưỡng thường xuyên đạt yêu cầu trở lên.

**\* Nhận xét, kết luận:**

**Ưu điểm**

Công tác BDTX được tổ chức thực hiện theo Thông tư 26/TT-BGDĐT ngày 10/7/2012 của Bộ GD&ĐT ban hành Quy chế BDTX cho GV MN, PT và GDTX; Phòng GD&ĐT chỉ đạo sâu sát, tổ chức kiểm tra và đánh giá kết quả học của GV.

**\* Hạn chế:**

Có trường chưa sát theo kế hoạch Phòng GD&ĐT để xây dựng kế hoạch học BDTX; đánh giá xếp loại kết quả bồi dưỡng GV chưa đúng hướng dẫn của Sở GD&ĐT và chưa cấp giấy chứng nhận học BDTX; đánh giá và lưu trữ hồ sơ chưa khoa học.

**5. Chỉ đạo thi đua**

**\* Kết quả kiểm tra, xác minh**

- Phòng GD&ĐT có xây dựng kế hoạch thi đua, triển khai thực hiện và phát động thi đua trong toàn ngành ngay từ đầu năm học; có kế hoạch thi đua “Đồng khởi mới” giai đoạn 2015-2020; có Quyết định củng cố Hội đồng thi đua- khen thưởng (cuối mỗi năm học); có quy chế hoạt động của Hội đồng thi đua- khen thưởng; có hướng dẫn các cơ sở giáo dục tổ chức cho CB, GV đăng ký danh hiệu thi đua vào đầu năm học; xét thi đua và đề nghị khen thưởng vào cuối năm học theo các chỉ đạo của Sở GD&ĐT.

- Trong 3 năm qua toàn ngành không có tập thể, cá nhân được tặng thưởng Huân chương lao động các hạng; số lượng tập thể, cá nhân được Thủ tướng Chính phủ tặng Bằng khen không nhiều.

**\* Nhận xét, kết luận**

- Công tác chỉ đạo và tổ chức thực hiện phong trào thi đua khen thưởng của Phòng GD&ĐT, các cơ sở giáo dục trực thuộc được duy trì và củng cố.

- Tuy nhiên, việc củng cố, thành lập Hội đồng thi đua- khen thưởng của Phòng GD&ĐT, của cơ sở giáo dục trực thuộc vào cuối mỗi năm học là chưa phù hợp; quy chế hoạt động của Hội đồng thi đua- khen thưởng chưa nêu được tỉ lệ xét chọn các danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng.

**6. Chỉ đạo công tác xã hội hoá giáo dục**

**\* Kết quả kiểm tra, xác minh**

- Phòng GD&ĐT tích cực tham mưu Huyện ủy, UBND huyện ban hành Đề án Quy hoạch phát triển xã hội hóa giáo dục, trong đó tập trung công tác huy động trẻ trong độ tuổi ra lớp, PCGD, huy động nguồn lực chăm lo cho sự nghiệp phát triển GD&ĐT của huyện...

- Hội đồng Giáo dục, Hội Khuyến học, Hội Cựu giáo chức từ huyện đến cơ sở được củng cố kịp thời, trên cơ sở quy chế đã ban hành, các Hội hoạt động có hiệu quả, góp phần thực hiện tốt chủ trương, đường lối của Đảng về GD&ĐT.

- Các cơ sở giáo dục trực thuộc thực hiện tốt tham mưu xã hội hóa giáo dục, đã huy động được nhiều nguồn lực đóng góp cho sự nghiệp giáo dục của địa phương; đã vận động phụ huynh, các lực lượng xã hội trong và ngoài địa phương, đóng góp kinh phí chăm lo cho sự nghiệp giáo dục: trao học bổng học sinh nghèo vượt khó học giỏi, tặng tập vở, quần áo, xe đạp, vận động học sinh có nguy cơ bỏ học trở lại lớp.

**\* Nhận xét, kết luận**

Từ Phòng GD&ĐT đến các cơ sở giáo dục thực hiện tốt công tác xã hội hóa giáo dục.

**7. Chỉ đạo thực hiện dân chủ hoá, công khai**

**\* Kết quả kiểm tra, xác minh**

Phòng GD&ĐT đã chỉ đạo các cơ sở giáo dục thực hiện quy chế dân chủ cơ sở theo Nghị định số 04/2015/NĐ-CP của Chính phủ; các cơ sở giáo dục đảm bảo việc công khai tài chính, kế hoạch hoạt động, các văn bản chỉ đạo trong các cuộc họp, niêm yết tại văn phòng, cán bộ, giáo viên được biết và bàn về các chủ trương của đơn vị; tổ chức hội nghị CB-CC hàng năm đảm bảo quy trình, nội dung theo hướng dẫn.

**\* Nhận xét, kết luận**

- Nhìn chung, từ Phòng GD&ĐT đến các trường thực hiện khá tốt quy chế dân chủ cơ sở.

- Tuy nhiên, có cơ sở giáo dục khi xây dựng Quy chế thực hiện dân chủ còn đưa vào căn cứ Quyết định số 04/2000/QĐ-BGDĐT.

**VI. Chỉ đạo việc thực hiện các qui định về thu, quản lý, sử dụng học phí và các nguồn lực tài chính khác**

**1. Kết quả kiểm tra:**

Phòng GD&ĐT quản lý quyết toán kinh phí nhà nước và quỹ học phí 3 năm như sau:

**\* Nguồn ngân sách nhà nước:**

Năm 2013, kinh phí năm trước mang sang năm 2013: 9.774.521.590; kinh phí cấp phát trong năm: 144.096.851.750; kinh phí quyết toán trong năm 152.173.134.333; kinh phí bị hủy và thu hồi: 37.536; kinh phí chuyển sang kỳ sau : 1.698.201.471

Năm 2014, kinh phí năm trước mang sang năm 2014: 1.698.201.471; kinh phí cấp phát trong năm: 169.480.125.110; kinh phí quyết toán trong năm 170.588.965.567; kinh phí bị hủy và thu hồi: 6.029.000; kinh phí chuyển sang kỳ sau 583.332.014.

Năm 2015, kinh phí năm trước mang sang năm 2015: 583.332.014; kinh phí cấp phát trong năm: 167.735.462.000; kinh phí quyết toán trong năm : 167.015.028.084; kinh phí bị hủy và thu hồi: 503.804.294; kinh phí chuyển sang kỳ sau: 799.961.636

**\* Nguồn phí, lệ phí và nguồn khác:**

Năm 2013, học phí năm trước mang sang năm 2013: 2.225.419.862; học phí giao trong năm: 3.741.257.314; quyết toán học phí trong năm: 4.930.773.350; kinh phí chuyển sang kỳ sau : 1.035.903.826.

Năm 2014, học phí năm trước mang sang năm 2014: 1.035.903.826; học phí giao trong năm : 5.170.662.076; quyết toán học phí trong năm: 5.204.074.241; kinh phí chuyển sang kỳ sau: 1.002.491.661.

Năm 2015, học phí năm trước mang sang năm 2015: 1.002.491.661; học phí giao trong năm: 5.237.329.366; quyết toán học phí trong năm: 5.721.426.730; kinh phí chuyển sang kỳ sau: 518.394.297.

**2. Nhận xét, kết luận:**

Phòng GD&ĐT lập đầy đủ hồ sơ, quyết định cấp phát kinh phí các trường trực thuộc đầy đủ theo qui định; thực hiện quyết toán tình hình sử dụng kinh phí các trường trực thuộc theo định kỳ quý; hướng dẫn các trường mở sổ sách kế toán theo qui định tại Quyết định 19/2006/QĐ-BTC ngày 30/3/2006 của Bộ Tài chính và hạch toán đầy đủ vào sổ sách kế toán các nguồn thu ngoài ngân sách, tất cả các đơn vị đã làm kế toán máy (phần mềm kế toán HCSN, phần mềm quản lý tài sản); chứng từ thanh quyết toán từ phòng đến cơ sở đều hợp pháp hợp lệ, hóa đơn theo qui định của Bộ tài chính.

Việc thực hiện công tác quản lý tài chính một số cơ sở giáo dục còn hạn chế:

- Sổ sách kế toán: còn một số đơn vị trường, sổ sách kế toán chưa cập nhật đầy đủ theo từng tháng mà cập nhật chung một năm (MG Sen Hồng), sổ sách thủ quỹ sử dụng 1 quyển sổ cho nhiều năm (mỗi năm kết thúc sử dụng 1 quyển- TH Trần Hoàn Vũ).

- Việc công khai tài chính các trường chưa công khai đúng mẫu theo Thông tư 21/TT.BTC ngày 22/3/2005 (TH Trần Hoàn Vũ, THCS Đỗ Nghĩa Trọng, MG Sen Hồng, THCS Trịnh Viết Bằng ).

- Nguồn thu chi bán trú trường chưa cập nhật trên cùng sổ sách nhà nước, đồng thời trường có 02 thủ quỹ quản lý (Trường TH Trần Hoàn Vũ).

**VII. Chỉ đạo và thực hiện công tác kiểm tra, giải quyết khiếu nại, giải quyết tố cáo, phòng chống tham nhũng**

**1. Công tác kiểm tra**

**\* Kết quả kiểm tra, xác minh:**

Phòng GD&ĐT xây dựng và hướng dẫn các trường xây dựng kế hoạch công tác kiểm tra từng năm học. Tiến hành kiểm tra các trường và lưu trữ hồ sơ kiểm tra đầy đủ.

Các trường xây dựng kế hoạch kiểm tra nội bộ từng năm học trên cơ sở kế hoạch và hướng dẫn xây dựng kế hoạch của Phòng GD&ĐT; tổ chức thực hiện đúng kế hoạch, có lưu hồ sơ kiểm tra.

**\* Nhận xét, kết luận:**

Phòng GD&ĐT chỉ đạo và thực hiện tốt công tác kiểm tra, đạt kế hoạch hàng năm.

**2. Giải quyết khiếu nại, tố cáo**

**\* Nhận xét, kết luận:**

Phòng GD&ĐT có lập sổ theo dõi đơn thư khiếu nại, tố cáo, thực hiện quy trình tiếp nhận giải quyết khiếu nại, tố cáo đúng theo quy định của pháp luật, lưu trữ hồ sơ giải quyết khiếu nại, tố cáo đầy đủ.

### **3. Công tác tiếp công dân:**

#### **\* Nhận xét, kết luận:**

Phòng GD&ĐT có chỉ đạo công tác tiếp công dân nhưng chưa thường xuyên kiểm tra, nhắc nhở việc thực hiện tiếp công dân theo qui định của pháp luật các cơ sở giáo dục.

### **4. Quản lý dạy thêm học thêm:**

#### **\* Kết quả kiểm tra:**

- Phòng GD&ĐT có các công văn chỉ đạo hoạt động về dạy thêm, học thêm.

#### **\* Nhận xét, kết luận:**

Phòng GD&ĐT cấp phép và quản lý dạy thêm, học thêm theo quy định tại Thông tư 17/2012/QĐ-BGDĐT và Quyết định số 17/2013/QĐ-UBND ngày 12/7/2013 của UBND tỉnh Bến Tre. Có tiến hành kiểm tra quản lý và tổ chức dạy thêm học thêm các trường.

## **C. KẾT LUẬN**

### **1. Ưu điểm:**

Phòng GD&ĐT làm tốt công tác tham mưu cho Huyện ủy, UBND huyện ban hành đầy đủ, kịp thời các văn bản để lãnh đạo, chỉ đạo phát triển giáo dục của địa phương; ban hành tốt các văn bản chỉ đạo theo thẩm quyền.

Phòng GD&ĐT quan tâm chỉ đạo các trường thực hiện các quy định về chuyên môn đúng theo Điều lệ, các văn bản chỉ đạo của Bộ, Sở về nhiệm vụ chuyên môn trong từng năm học của các cấp học. Các trường thực hiện chương trình, kế hoạch dạy học và giáo dục đúng quy định; cơ bản đáp ứng được yêu cầu đổi mới giáo dục, đảm bảo được tính ổn định về chất lượng giáo dục của cấp học.

Công tác kiểm định chất lượng giáo dục thực hiện thường xuyên, các điều kiện về đội ngũ, cơ sở vật chất, kinh phí,... cơ bản đảm bảo cho chất lượng giáo dục, đáp ứng yêu cầu đổi mới giáo dục, nâng cao chất lượng giáo dục.

Công tác kiểm tra, thực hiện công khai, dân chủ được thực hiện khá tốt, những năm qua, khiếu nại, tố cáo toàn ngành có chiều hướng giảm.

#### **\* Nguyên nhân:**

- Được sự quan tâm của các cấp ủy Đảng và chính quyền địa phương, sự chỉ đạo trực tiếp của Lãnh đạo ngành, sự phối hợp của các lực lượng giáo dục trong và ngoài nhà trường.

- Đa số CBQL, GV của ngành đều đạt chuẩn trở lên về chuyên môn, nghiệp vụ; có tinh thần trách nhiệm cao, tư tưởng ổn định, an tâm công tác, nêu cao tinh thần trách nhiệm, đoàn kết, nỗ lực trong phấn đấu hoàn thành nhiệm vụ quản lý, giảng dạy ở đơn vị.

- Công tác xã hội hóa giáo dục được phát huy, ngày càng huy động được nhiều nguồn lực của xã hội đầu tư cho giáo dục.

### **2. Hạn chế:**

- Việc thực hiện các chuyên đề trọng tâm của cấp học mầm non đạt kết quả chưa cao.

- Việc ban hành văn bản quản lý nội bộ của các trường còn sai sót.

- Còn chậm trong chỉ đạo đổi mới sinh hoạt tổ chuyên môn và quản lý hoạt động chuyên môn, hiệu quả chưa cao, nhất là ở cấp THCS.

- Biên chế toàn ngành thừa thiếu không đồng bộ; việc ký hợp đồng lao động đối với nhân viên bảo vệ và tạp vụ còn sai sót, chưa đúng quy định.

- Các trường có tổ chức bán trú không đưa các nguồn thu vào chung hệ thống sổ sách quản lý là không đúng quy định.

\* Nguyên nhân của hạn chế:

- Năng lực của một bộ phận CBQL, GV còn hạn chế.
- Do thực tế biên chế thừa thiếu không đồng bộ trước đây; do chuyển đổi từ Thông tư liên tịch 71/2007/TTLT-BGDĐT-BNV ngày 28/11/2007 của Bộ Giáo dục và Đào tạo và Bộ Nội vụ sang Thông tư liên tịch số 06/2015/TTLT-BGDĐT-BNV ngày 16/3/2015 của Bộ Giáo dục và Đào tạo-Bộ Nội vụ

## D. KIẾN NGHỊ

### 1. Phòng GD&ĐT Bình Đại:

- Phát huy thành tích đạt được và khắc phục các hạn chế nêu trên.
- Chú trọng công tác quy hoạch mạng lưới trường lớp, xây dựng trường đạt chuẩn quốc gia, đầu tư xây dựng các phòng chức năng, trang thiết bị dạy học... đáp ứng được yêu cầu đổi mới giáo dục.
- Cân đối, bố trí sắp xếp hợp lý số GV còn thừa, thiếu ở các cấp học, các trường. Xây dựng kế hoạch cụ thể việc bố trí GV MN đủ theo định mức quy định tại Thông tư liên tịch số 06/2015/TTLT-BGDĐT-BNV và tiếp tục tuyển dụng GV, NV còn thiếu theo quy định.
- Khai thác, sử dụng hiệu quả đội ngũ GV, cơ sở vật chất của trường THCS để tổ chức dạy học 2 buổi/ngày phù hợp với điều kiện của đơn vị và đáp ứng theo yêu cầu giáo dục toàn diện.
- Chỉ đạo các đơn vị rà soát và thực hiện ký kết Hợp đồng lao động đối với nhân viên bảo vệ, tạp vụ đúng theo quy định của Luật lao động và quy định tại Công văn số 2202/BNV-CCVC ngày 11/9/2003 của Bộ Nội vụ về việc thực hiện chế độ đối với người lao động hợp đồng theo Nghị định 68/2000/NĐ-CP.

### 2. UBND huyện Bình Đại:

- Quan tâm chỉ đạo công tác quy hoạch mạng lưới trường lớp theo hướng trường đạt chuẩn quốc gia.
- Chỉ đạo ngành giáo dục huyện phát huy thành quả đạt được, khắc phục những hạn chế mà Đoàn thanh tra đã nêu nhằm nâng cao hơn nữa chất lượng giáo dục huyện nhà./.

### Nơi nhận:

- Thanh tra Bộ GDĐT (để báo cáo);
- BGĐ Sở GDĐT (để báo cáo);
- PGD&ĐT Bình Đại (để thực hiện);
- UBND huyện Bình Đại;
- Website Sở GD&ĐT;
- Lưu: TTr Sở.

